

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đề nghị điều chỉnh phê duyệt E-HSMT gói thầu Hoàn thiện hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số trong cơ quan khối Đảng xã Ngãi Giao

CHÁNH VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY XÃ NGÃI GIAO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025,

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023, được bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15,

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu,

Căn cứ Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu nhà và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia,

Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho Ủy ban Nhân dân các xã, phường, đặc khu,

Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban Nhân dân xã Ngãi Giao về việc bổ sung có mục tiêu dự toán ngân sách năm 2026 thực hiện đầu tư, mua sắm hoàn thiện hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số cho Đảng ủy xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã,

Căn cứ Quyết định số 341-QĐ/ĐU ngày 17 tháng 03 năm 2026 của Đảng ủy xã Ngãi Giao về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc Dự toán: Hoàn thiện hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số trong cơ quan khối Đảng xã Ngãi Giao,

Căn cứ Quyết định số 426-QĐ/ĐU ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Đảng ủy xã Ngãi Giao về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc Dự toán: Hoàn thiện hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số trong cơ quan khối Đảng xã Ngãi Giao,

Căn cứ Tờ trình số: 35/TT-TCG/ĐT ngày 29/5/2026 của Tổ chuyên gia thuộc Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Đức Tín về việc E-HSMT gói thầu Hoàn thiện hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số trong cơ quan khối Đảng xã Ngãi Giao,

Căn cứ Quyết định số 11-QĐ/VP ngày 01 tháng 6 năm 2026 Về việc đề nghị phê duyệt E-HSMT gói thầu Hoàn thiện hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số trong cơ quan khối Đảng xã Ngãi Giao,

Xét đề nghị của Văn phòng Đảng ủy ngày 03/6/2026 về việc điều chỉnh phê duyệt E-HSMT gói thầu Hoàn thiện hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số trong cơ quan khối Đảng xã Ngãi Giao

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh phê duyệt E-HSMT gói thầu Hoàn thiện hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số trong cơ quan khối Đảng xã Ngãi Giao với Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Các bộ phận có liên quan của Văn phòng Đảng ủy Xã phối hợp với Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Đức Tín thực hiện các bước tiếp theo của quy trình lựa chọn nhà thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các bộ phận có liên quan của Văn phòng Đảng ủy Xã, và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Phạm Trần Gia Hùng

ĐẢNG ỦY XÃ NGÃI GIAO
VĂN PHÒNG

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Ngãi Giao, ngày 03 tháng 6 năm 2026

PHỤ LỤC 01

*Danh mục điều chỉnh phê duyệt E-HSMT gói thầu Hoàn thiện hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số trong cơ quan khối Đảng xã Ngãi Giao
(Kèm theo Quyết định số 12-QĐ/VP ngày 03/6/2026)*

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của E-HSMT tương đương hoặc cao hơn	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Bản quyền Office	Phần mềm Microsoft office - Loại phần mềm: Office - Bộ ứng dụng cơ bản: Word, Excel, PowerPoint - Số thiết bị sử dụng: 1 thiết bị (Máy tính hoặc máy Mac) - Hỗ trợ hệ điều hành: Windows 11, Windows 10 - Thời hạn bản quyền: Vĩnh viễn	Bản quyền	2	
2	Máy tính để bàn	Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam - Sản xuất trên dây chuyền công nghiệp (ISO 9001:2015; ISO 14001 : 2015; ISO 17025 : 2017; QCVN 118:2018) - Mainboard (Bo mạch chủ): (cùng thương hiệu với máy) chipset Intel® H610 Socket LGA1700 for 13th Gen Intel® Core™ Processors & 12th Gen Intel® Core™, Pentium® Gold and Celeron® Processors 2 x DIMM, Max. 64GB, DDR4 3200/3000/2933/2800/2666/2400/2133 Non-ECC , 1 x PS/2 Keyboard/Mouse combo port, 1 x PCIe 4.0/3.0 x16 slot, 1 x D-Sub Port, 1 x HDMI port, 2 x USB 3.2 Gen 1 ; 3 x USB 3.0 port(s), 1 x M.2 2280, 2260, 2242 (both SATA & x2 PCIe mode); 4 x SATA 6.0 Gb/s Ports, 1 x TPM header. , Realtek 1Gb Ethernet port; Sound High Definition Audio - CPU (Bộ vi xử lý): Intel® Core™ i5 12400 Processor (2.50Ghz Max Turbo 4.40GHz/ 18MB Intel® Smart Cache/ 6C/ 12T - RAM (Bộ nhớ): 16Gb DDR4 bus 2666MHz - SSD (ổ cứng): 256GB SATA - Monitor (Màn hình): LCD 21.5" (cùng thương hiệu với máy) (Kích thước: 21.5", Độ phân giải: 1920 x 1080 (Full HD) Tỷ lệ khung hình: 16:9 Wide - Case (Thùng máy): mATX front USB With PSU 450W (cùng thương hiệu với máy) - Mouse (Chuột) Optical (cùng thương hiệu với máy) - Keyboard (Bàn phím): (cùng thương hiệu với máy) - Phần mềm bản quyền vĩnh viễn: Microsoft Window 11	Bộ	16	

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của E-HSMT tương đương hoặc cao hơn	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		home			
3	Bản quyền Office (sử dụng cho máy tính để bàn)	Phần mềm Microsoft office - Loại phần mềm: Office - Bộ ứng dụng cơ bản: Word, Excel, PowerPoint - Số thiết bị sử dụng: 1 thiết bị (Máy tính hoặc máy Mac) - Hỗ trợ hệ điều hành: Windows 11, Windows 10 - Thời hạn bản quyền: Vĩnh viễn	Bản quyền	16	
4	Máy tính xách tay	Máy tính xách tay - Bộ xử lý Intel® Core i5-1334U, bộ nhớ đệm 12 MB, 10 lõi, 12 luồng, tốc độ từ 1.30 GHz đến 4.60 GHz, công suất 15 W - Bộ nhớ RAM: 16 GB (1 x 16 GB), DDR5, 4400 MT/s - Ổ cứng: 512GB M.2 PCIe NVMe SSD - Đồ họa: Intel® UHD Graphics, Intel® Iris® Xe Graphics (tích hợp) - Màn hình: 15.6 inch, FHD, 1920 x 1080, 120 Hz, chống chói, 45% NTSC, 250 nits, góc nhìn rộng, IPS, có chức năng giảm tác hại của ánh sáng xanh - Webcam: FHD (1080p) - Micrô tích hợp tính năng giảm tiếng ồn bằng AI. - Cổng, Khe cắm: 1 x USB 3.2 Gen 1 Type-A port; 1 x USB 3.2 Gen 1 Type-C; 1 x USB 2.0 port; 1 x Headset jack; 1 x HDMI 1.4; 1 khe đọc thẻ nhớ SD 3.0 - Kết nối không dây: Realtek RTL8852BE, Wi-Fi 6 Bluetooth - Bảo mật: TPM phần cứng - Pin: 3 Cell, 41WHr - Nguồn: Adaptor AC 65 W - Bản quyền vĩnh viễn: Microsoft Windows 11 home	Cái	12	
5	Bản quyền Office (sử dụng cho máy tính xách tay)	Phần mềm Microsoft office - Loại phần mềm: Office - Bộ ứng dụng cơ bản: Word, Excel, PowerPoint - Số thiết bị sử dụng: 1 thiết bị (Máy tính hoặc máy Mac) - Hỗ trợ hệ điều hành: Windows 11, Windows 10 - Thời hạn bản quyền: Vĩnh viễn	Bản quyền	12	

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của E-HSMT tương đương hoặc cao hơn	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
6	Máy in laser (dùng cho máy mật)	Máy in laser (dùng kèm theo máy mật) - Máy in laser đơn sắc, in 2 mặt tự động - Tốc độ in (A4/Letter): Lên đến 48/50 trang/phút - Độ phân giải in: Lên đến 1200 x 1200 dpi - Thời gian in ra trang đầu tiên (Từ chế độ sẵn sàng): Ít hơn 6.7 giây - In hai mặt tự động - Cổng giao tiếp: USB 2.0, Gigabit Ethernet (10Base-T/100Base-TX/1000Base-T) - Giải pháp in từ thiết bị di động: AirPrint - Khay Giấy: Chuẩn 250 tờ; Thủ công 100 tờ; Khay giấy ra 150 tờ - Kích cỡ giấy: A4, Letter, B5 (JIS), A5, A5 (Long Edge), A6, Executive, Legal, Mexico Legal, India Legal, A4 (Short)/270 mm, Folio, 16K - Tốc độ bộ xử lý: 1.2GHz Dual Core - Bộ Nhớ: 1 GB - Màn hình hiển thị 16 ký tự x 1 dòng - Tính năng bảo mật: Bảo mật tác vụ in và các chức năng chống lại sự truy cập trái phép của người dùng - Hệ điều hành hỗ trợ: Windows, Linux - Nguồn Điện: 220 - 240V AC 50/60 Hz, 5.3 A	Cái	3	
7	Máy in laser (dùng cho nghiệp vụ văn phòng)	Máy in laser (dùng nghiệp vụ văn phòng) - Máy in laser đơn sắc, in 2 mặt tự động - Tốc độ in (A4/Letter): Lên đến 48/50 trang/phút - Độ phân giải in: Lên đến 1200 x 1200 dpi - Thời gian in ra trang đầu tiên (Từ chế độ sẵn sàng): Ít hơn 6.7 giây - In hai mặt tự động - Cổng giao tiếp: USB 2.0, Gigabit Ethernet (10Base-T/100Base-TX/1000Base-T), Wi-Fi Direct, Wireless Lan (2.4GHz/5.0GHz) - Giải pháp in từ thiết bị di động: AirPrint - Khay Giấy: Chuẩn 250 tờ; Thủ công 100 tờ; Khay giấy ra 150 tờ - Kích cỡ giấy: A4, Letter, B5 (JIS), A5, A5 (Long Edge), A6, Executive, Legal, Mexico Legal, India Legal, A4 (Short)/270 mm, Folio, 16K - Tốc độ bộ xử lý: 1.2GHz Dual Core - Bộ Nhớ 1 GB - Màn hình hiển thị 16 ký tự x 1 dòng - Tính năng bảo mật: Bảo mật tác vụ in và các chức năng chống lại sự truy cập trái phép của người dùng - Hệ điều hành hỗ trợ: Windows, Linux - Nguồn Điện: 220 - 240V AC 50/60 Hz, 5.3 A	Cái	9	

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của E-HSMT tương đương hoặc cao hơn	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
8	Máy scan tài liệu	Máy scan 02 mặt - Tốc Độ Quét: 40 trang/phút, 80 hình/phút - Khổ Tài Liệu: Nhiều Loại Giấy + Độ Rộng: 50.8 mm to 215.9 mm + Độ Dài: 50.8 mm đến 355.6 mm - Chức năng quét màu và đơn sắc: Có - Quét hai mặt tự động màu/ đơn sắc (Duplex): Có - Độ sâu màu (48-bit internal, 24-bit external) - Độ phân giải quang học: 600 dpi × 600 dpi/ Độ phân giải nội suy: 1,200 dpi × 1,200 dpi - Dung lượng bộ nhớ: 512 MB - ADF (Automatic Document Feeder - Khay Nạp Tài Liệu Tự Động): 80 tờ - Kết nối: SuperSpeed USB 3.0, USB 2.0 host (mặt sau)	Cái	7	
9	Màn hình LED trung tâm	Màn hình LED P2 khổ lớn - Kích thước phủ bì: 300cm (ngang) x 172cm (cao) - Kích thước hiển thị: 288cm (ngang) x 160cm (cao) - Số điểm ảnh: 1.152.000 Thông số kỹ thuật module LED P2 - Khoảng cách giữa các điểm ảnh: 2mm - Kích thước mô-đun: 32cm x 16cm - Độ phân giải mô-đun: 160 x 80 = 12.800 điểm ảnh/mô-đun - Loại LED SMD 1R1G1B - Phạm vi hiển thị tốt nhất: 2m ~ 100m - Góc nhìn (Ngang/Dọc): 160° - Độ sáng: $\geq 500 \text{ CD/m}^2$ - Số màu hiển thị: 16,7 triệu màu - Công suất tiêu thụ tối đa: 750 W/m² - Công suất tiêu thụ trung bình: 350 W/m² - Tốc độ làm mới hình ảnh: 3840Hz - Tần số khung hình: 60Hz - Xử lý tín hiệu 10bit hoặc 16bit - Tuổi thọ đèn 100.000 giờ - Độ sáng: 12 cấp độ - Điều chỉnh độ sáng: Cảm biến độ sáng, tự động điều chỉnh 16 cấp độ - Tín hiệu video PAL/NTSC - Nhiệt độ màu: 9500K – 11500K - Tỷ lệ hỏng đèn: < 0.0001	Gói	1	

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của E-HSMT tương đương hoặc cao hơn	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		Thông số kỹ thuật bộ xử lý tín hiệu - HDMI vào x 4, HDMI ra x 3 (1 cho Đa phương tiện): Hỗ trợ độ phân giải tối đa 1920 x 1080@60Hz, tương thích với màn hình phụ 3840 x 2160 @ 30Hz. Tương thích với HDMI 1.3 trở xuống, - USB x 4: Hỗ trợ video, hình ảnh, v.v., hỗ trợ các định dạng: DD, MPEG2 HD (MPG, VOB, MPG2), MPEG4 (MP4), MPEG_SD/HD, H.264 (AVI, MKV), RM, FLV) - RJ45 x 4 - DVI đầu vào x 1: SD/HD (CEA-861) 1920x1080P@60Hz; (VESA) 2304x1152@60Hz - DVI đầu ra x 1: Hỗ trợ độ phân giải lên đến 1920x1280@60Hz - Cổng điều khiển: + Cổng điều khiển chuyển mạch (AUX – 1/Com/2 relay) x 4 + Nâng hạ màn hình (Lên/Com/Xuống) x 2 + Cổng RS-232C x 4 (COM 1/2, Điều khiển cảm ứng, Lập trình) + Jack hồng ngoại: 3.5mm x 3 + Điều khiển phím: Giao tiếp: RS232, USB-B (USB-CTR) - Cổng kết nối VGA: VGA vào x 1, VGA ra x 1: Hỗ trợ độ phân giải tối đa 1920 x 1080@30Hz; Mức tín hiệu: R, G, B, Hsync, Vsync: 0-1 Vpp ± 3dB (0.7V video + 0.3V Sync) 75Ω - Cổng kết nối âm thanh: + Nút điều chỉnh âm lượng tích hợp x 1, hỗ trợ công suất lên đến 320W + Đầu vào âm thanh: AUX stereo 3.5mm x 1 + Đầu vào micrô: Giắc cắm mono 6.5mm x 2, Canon Goosenesk x 1 + Đầu ra stereo 3.5mm x 1 + AV x 1 (Composite)			

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của E-HSMT tương đương hoặc cao hơn	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
10	Bộ xử lý tín hiệu âm thanh kỹ thuật số	Bộ xử lý âm thanh kỹ thuật số, triệt nhiễu tiếng rít - Màn hình LCD hiển thị chức năng chuyển đổi chế độ. - Lựa chọn chức năng chế độ kỹ thuật số. - 6 kênh đầu vào micro cân bằng có nguồn ảo. - 6 kênh đầu vào micro/line không cân bằng. - Công tắc chọn nguồn ảo. - 6 kênh đầu vào micro và line, lựa chọn công tắc độc lập với hiệu ứng dịch chuyển tần số. - Điều chỉnh micro độc lập. - Dịch chuyển tần số: $5\text{Hz} \pm 1\text{ Hz}$ - Tăng độ khuếch đại loa: 5-14 dB - Trở kháng đầu vào line $\geq 5\text{K}\Omega$. - Trở kháng đầu ra line $\leq 600\Omega$. - Đáp ứng tần số: Không dịch chuyển tần số 20 Hz-20K Hz, Có dịch chuyển tần số 150Hz-15KHz. - Nguồn điện: AC220V/50Hz.	Bộ	1	
11	Bộ điều khiển trung tâm	Bộ điều khiển trung tâm - Nguồn điện: $230\text{VAC} \pm 10\%$, 50/60Hz - Công suất: 400W - Đáp ứng tần số: $40\text{Hz} \square 16\text{KHz}$ - THD: $< 0.1\%$ - DR: $> 90\text{dB}$ - SNR: $> 85\text{dB}$ - Hỗ trợ 15 x 4 nhóm = 60 thiết bị phát âm thanh, và khi mở rộng thêm bộ điều khiển trung tâm có thể kết nối tối đa 240 thiết bị phát âm thanh. - Chức năng ưu tiên máy chủ - Chức năng giới hạn số lượng loa cho phép thiết lập số lượng loa được bật cùng lúc (số lượng từ 1-9, số lượng trong phần mềm có thể được thiết lập từ 1-12) - Chế độ thảo luận không giới hạn (tất cả micro đều có thể nói) - Đầu vào/đầu ra tín hiệu và điều khiển bằng điều khiển: - 1 x Giao diện đầu ra chính, điều chỉnh âm lượng độc lập - 1 x Đầu ra ghi âm, điều chỉnh âm lượng độc lập - 1 x Giao diện điện thoại, điều khiển âm lượng độc lập - 1 x Giao diện dữ liệu - 4 x Giao diện đầu ra micro hội nghị, trong đó có một giao diện đầu ra micro hội nghị mở rộng cho	Bộ	1	

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của E-HSMT tương đương hoặc cao hơn	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		máy chủ - Đèn LED báo mức âm lượng - Cáp kết nối T-type 8P-DIN chuyên dụng - Điện áp đầu ra cung cấp cho loa là điện áp an toàn 18VDC			
12	Micro hội thảo có dây (Chủ tọa)	Micro cổ ngỗng (Chủ tọa) - Tính năng ưu tiên ngắt micro của Đại biểu, kiểm soát hiệu quả trật tự - Màn hình hiển thị: LCD - Đèn báo giọng nói màu đỏ - Tự động tắt chức năng micro sau 45 giây ngừng nói - Phần trên và dưới của ống micro có thể uốn cong, tháo rời, và lõi micro có thể được thay thế bằng màng chắn gió - Nút bật micro nói và nút ưu tiên nói - Microphone chủ tọa có thể được đặt ở bất kỳ vị trí nào trong vòng lặp - Nguồn điện: 18VDC do bộ xử lý trung tâm cung cấp - Tần số đáp ứng: 50Hz□16KHz - Độ nhạy: -42dB±2dB - Khoảng cách lấy mẫu tham chiếu: 15cm□50cm - Chiều dài micro: 240mm - Kích thước đế: 217 x 120 x 64mm	Cái	1	
13	Micro hội thảo có dây (Đại biểu)	Micro cổ ngỗng (Đại biểu) - Màn hình hiển thị: LCD - Chức năng thảo luận thiết lập mã địa chỉ thiết bị thông qua bộ xử lý trung tâm - Đèn báo giọng nói màu đỏ - Tự động tắt chức năng micro sau 45 giây ngừng nói - Nguồn điện: 18VDC do bộ xử lý trung tâm cung cấp - Tần số đáp ứng: 50Hz□16KHz - Độ nhạy: -42dB±2dB - Khoảng cách lấy mẫu tham chiếu: 15cm□50cm - Chiều dài micro: 240mm - Kích thước đế: 217 x 120 x 64mm	Cái	12	

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của E-HSMT tương đương hoặc cao hơn	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
14	Thiết bị tăng âm 240W	Thiết bị tăng âm 240W - Công suất định mức: 240W - Ngõ vào Mic: -60dB, 600Ω, không cân bằng, cổng TS 6.3mm - Ngõ vào AUX: 20dB, 10KΩ, không cân bằng, cổng RCA stereo - Ngõ ra Aux: 0dB, 600Ω, không cân bằng, cổng RCA stereo - Ngõ ra loa: Trở kháng cao: 100V, 70V Trở kháng thấp: 8Ω - Bảo vệ: Bảo vệ chống cầu chì AC, quá nhiệt, quá áp, quá dòng, ngắn mạch, DC và tắt tiếng khi bật nguồn - Bộ hiệu ứng: 5 bộ hiệu ứng âm thanh EQ cho đầu ra âm thanh của máy nghe nhạc MP3 và bộ dò đài FM - EQ cho đầu ra Master: Treble: $\pm 12\text{dB}$ ở 10KHZ; Bass: $\pm 12\text{dB}$ ở 100HZ - Đáp ứng tần số: 20~20KHZ ($\pm 3\text{dB}$) - Tỷ lệ tín hiệu trên nhiễu (S/N): Ngõ vào micro > 66dB; Ngõ vào Aux > 75dB - Tổng méo hài (T.H.D): <0.5% ở 1kHz, ở 1/3 công suất định mức - Nguồn điện: 220~240VAC, 50/60HZ	Bộ	1	
15	Loa công suất 60W (treo tường)	Loa cột treo tường - Công suất định mức: 60W - Đầu vào âm thanh cục bộ: Kết nối đơn 52KΩ, 600mV không cân bằng; Kết nối 10 cái: 2.6KΩ, 0.775V (0dB), không cân bằng - Đáp tuyến tần số của amply: 100Hz~20KHZ ($\pm 2\text{dB}$) - Méo hài: <1% ở 1KHz, 1/3 công suất đầu ra định mức; THD $\leq 2.5\%$ ở công suất tối đa - Tỷ lệ tín hiệu trên nhiễu (SNR): $\geq 70\text{dB}$ - Loa: Loa trầm 6.5" + loa treble 1" - Công suất định mức: 60W - Mức áp suất âm thanh (SPL) (1W / 1m): 96dB - Dải tần số loa (-10dB): 150Hz-18kHz - Nguồn vào: AC 220V$\pm 10\%$ 50-60Hz	Cái	4	

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của E-HSMT tương đương hoặc cao hơn	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
16	Bộ micro không dây	Bộ Microphone không dây thu sóng kép (bao gồm 1 đầu thu + 02 micro) Thông số kỹ thuật hệ thống - Dải tần số: 640MHz-690MHz - Phương pháp điều chế: FM - Số kênh: 200 - Khoảng cách kênh: 300KHZ - Độ ổn định tần số: $\pm 0.005\%$ - Dải động: 100db - Độ lệch tối đa: $\pm 45\text{KHZ}$ - Đáp ứng tần số: 40HZ-18KHZ ($\pm 2\text{db}$) - Tỷ lệ tín hiệu trên nhiễu (SNR): $> 105\text{db}$ - Tổng méo hài (T.H.D): $\leq 0.5\%$ Thông số kỹ thuật bộ thu - Tần số trung bình: 110MHz, 10.7MHz - Kết nối anten: TNC/50Ω - Độ nhạy: 12dBuV (tỷ lệ tín hiệu trên nhiễu 80dB) - Phạm vi điều chỉnh độ nhạy: 12-32dBuV - Khử nhiễu: $\geq 75\text{dB}$ - Mức đầu ra tối đa: +10dB - Nguồn điện: DC12V, đầu vào 400mA Thông số kỹ thuật micro - Công suất đầu ra: Công suất cao 30MW, Công suất thấp 3MW - Khả năng loại bỏ nhiễu: -60db - Nguồn điện: 2 pin kiềm 1.5V - Thời lượng pin: Có thể sử dụng hơn 8 giờ ở chế độ công suất bình thường	Bộ	1	
17	Chi phí thi công và vật tư lắp đặt màn hình LED trung tâm	Chi phí thi công và vật tư lắp đặt màn hình LED trung tâm + Khung treo màn hình + Vật tư hoàn thiện hệ thống + Khảo sát kiểm tra hướng đi cáp và các kết nối trong khu vực HCC. + Tiến hành kéo cáp kết nối đến màn hình. + Thi công bắn ray kết nối. + Kết nối thiết bị và kiểm tra hoạt động. + Hướng dẫn sử dụng, dọn dẹp vệ sinh và bàn giao.	Gói	1	

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của E-HSMT tương đương hoặc cao hơn	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
18	Vật tư + Phụ kiện lắp đặt (dây loa, cáp HDMI, dây tín hiệu, dây điện, ổ cắm,...)	Vật tư, phụ kiện hệ thống âm thanh phòng họp và hệ thống âm thanh hội trường: Dây loa, cáp kết nối thiết bị, cáp kết nối tín hiệu, cáp RJ45, đầu giắc kết nối, dây dẫn điện, ổ cắm điện, nẹp bao cáp, cáp HDMI, dây tín hiệu, dây điện, ổ cắm...	Gói	1	
19	Phụ kiện (Tủ rack)	Phụ kiện: Tủ Rack 15U-D600 - Kích thước thực: H830xW600xD600mm - Tole dày : 1-1.2mm - Kiểu dáng: Đứng 4 bánh xe - Trọng lượng tủ:: 32 kg - Hệ thống cửa: Cửa lưới trước sau, và 2 ổp hông tháo lắp dễ dàng. - Phụ kiện: 1 x Fan 220v; 1 ổ điện 3 ports - Màu sắc: Đen	Cái	1	
20	Nhân công lắp đặt + hướng dẫn sử dụng	Chi phí thi công lắp đặt hệ thống âm thanh phòng họp và hệ thống âm thanh hội trường: Khảo sát vị trí lắp đặt thiết bị, thi công, lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống âm thanh phòng họp, chuyển giao công nghệ, hướng dẫn sử dụng	Gói	1	
21	Phụ kiện (Dây cáp mạng cho các thiết bị)	Phụ kiện kết nối cho toàn bộ hệ thống mạng LAN nội bộ của Cơ quan - Dây cáp mạng CAT6 (Đường kính lõi cáp: 0.57mm - 23 AWG x 4 cặp; Chất liệu lõi: Đồng Nguyên Chất (Bare Copper 100%); Vỏ lõi cáp: HDPE; Vỏ cáp: PE chống nhiễu; Băng thông: 250Mhz; Khoảng cách tín hiệu: 120m) - Switch các phòng ban 10/100/1000 Mbps - Switch tầng (tầng 1 & tầng 2) 10/100/1000 Mbps - Tủ rack 10U-D600 (tầng 1 & tầng 2)	Gói	1	

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của E-HSMT tương đương hoặc cao hơn	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
22	Chi phí thi công và vật tư lắp đặt node mạng + Vật tư, dây mạng	Chi phí thi công và vật tư lắp đặt node mạng + Vật tư, dây mạng, đầu bấm...(Hệ thống mạng LAN nội bộ) - Khảo sát & thiết kế mạng: + Xác định vị trí đặt node mạng + Tính toán số lượng cổng mạng, chiều dài dây cáp, thiết bị cần dùng - Thi công, lắp đặt: + Kéo dây mạng (Cat5e, Cat6, Cat6A...) từ tủ mạng đến từng vị trí node - Đấu nối đầu RJ45, switch - Gắn nhãn, đánh số từng node để dễ quản lý - Kiểm tra & cấu hình + Dùng thiết bị test để kiểm tra tín hiệu, tốc độ truyền + Cấu hình switch/router (nếu có) + Đảm bảo từng node hoạt động ổn định, có internet hoặc mạng nội bộ - Nghiệm thu & bàn giao: Ghi sơ đồ mạng, vị trí các node - Đã bao gồm vật tư, dây mạng, đầu bấm liên quan	Vị trí lắp đặt mạng	40	